


KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA

PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CÁ NHÂN, CÔNG DÂN: 50 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

TẬP 2 LĨNH VỰC KHOA HỌC CHÍNH TRỊ



 NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KỶ YẾU HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CÁ NHÂN, CÔNG DÂN:
50 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
TẬP 2: LĨNH VỰC KHOA HỌC CHÍNH TRỊ



Công trình Chào mừng Kỷ niệm 70 năm thành lập
Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh
(11/11/1956 - 11/11/2026)

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN
Trụ sở: 100 Yết Kiêu, phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
Điện thoại: 069 2342970; 069 2342969
Chi nhánh: 373D Nguyễn Trãi, phường Cầu Ông Lãnh,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 069 3336947 * Hotline NXBCAND: 0769 068668
Trang sách điện tử: <https://ebookcand.vn>
Website: <https://nhaxuatbancand.vn>
Email: xuatbancongan@gmail.com

ISBN: 978-604-72-8823-6

 9 786047 288236

SÁCH KHÔNG BÁN

ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số 12 Nguyễn Văn Bảo, phường Hạnh Thông, Thành phố Hồ Chí Minh
www.iuh.edu.vn

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH BẢO VỆ
QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CÁ NHÂN, CÔNG DÂN:
50 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

TẬP 2
LĨNH VỰC KHOA HỌC CHÍNH TRỊ

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO

PGS.TS. Phan Hồng Hải

BAN TỔ CHỨC

PGS.TS. Đàm Sao Mai	Trưởng ban
PGS.TS. Lê Minh Hùng	Phó trưởng ban
PGS.TS. Trịnh Ngọc Nam	Phó trưởng ban
TS. Bùi Thị Hảo	Thành viên

HỘI ĐỒNG CHUYÊN MÔN

PGS. TS. Lê Minh Hùng	Trưởng ban
TS. Bùi Thị Hảo	Phó Trưởng ban
ThS.NCS. Nguyễn Quang Đạo	Phó Trưởng ban
TS. Hồ Văn Đức	Thành viên
TS. Đinh Thị Cẩm Hà	Thành viên
TS. Trần Thị Thu Hà	Thành viên
TS. Đặng Thị Minh Phượng	Thành viên
TS. Đỗ Thị Hiên	Thành viên
TS. Nguyễn Thị Thúy Cường	Thành viên
TS. Phạm Thị Lan	Thành viên
TS. Trần Hữu Thắng	Thành viên
TS. Đặng Hoàng Vũ	Thành viên
TS. Trương Thị Mai	Thành viên
TS. Huỳnh Minh Luân	Thành viên

BAN BIÊN TẬP KỸ YẾU

PGS. TS. Lê Minh Hùng	Trưởng ban
TS. Bùi Thị Hảo	Phó Trưởng ban
TS. Đặng Hoàng Vũ	Thành viên
TS. Phạm Thị Lan	Thành viên
TS. Lê Thanh Hòa	Thành viên

1215-2026/CXBIPH/2-24/CAND

19.	GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI - NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC	196
	<i>Bùi Duy Hoàng</i>	
20.	PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC	208
	<i>Nguyễn Ngọc Võ Khoa, Bùi Thanh Tùng</i>	
21.	HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TẠI VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ	216
	<i>Ngô Văn Duẩn, Vũ Bá Hải</i>	
22.	PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ VẤN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TẠI VIỆT NAM	226
	<i>Trần Mai Ước, Trương Quốc Việt, Nguyễn Văn Khương</i>	
23.	CÔNG NGHỆ 4.0 VÀ SỰ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI LAO ĐỘNG VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP QUỐC TẾ	236
	<i>Ngô Văn Duẩn</i>	
24.	CON NGƯỜI QUẢNG NGÃI VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRƯỚC YÊU CẦU HỘI NHẬP QUỐC TẾ	247
	<i>Trần Nguyễn Hoàng Chương</i>	
25.	PHÁT HUY NHÂN TỐ CON NGƯỜI Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	256
	<i>Hồ Văn Đức</i>	
Phần III		
TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CÁ NHÂN, CÔNG DÂN		
26.	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CON NGƯỜI TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC HIỆN NAY	273
	<i>Đặng Thị Minh Phượng, Lê Quang Vinh, Nguyễn Thành Minh Chánh</i>	
27.	QUYỀN CON NGƯỜI TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH: LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VẬN DỤNG TẠI VIỆT NAM	286
	<i>Nguyễn Văn Thiên, Nguyễn Thuý Duy</i>	
28.	TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ NHỮNG NHÂN TỐ ĐẢM BẢO QUYỀN CON NGƯỜI	298
	<i>Đỗ Thị Thanh Hà</i>	
29.	GIÁ TRỊ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	308
	<i>Lê Hồ Sơn, Lê Văn Thuật, Nguyễn Anh Tài</i>	

GIÁ TRỊ CỦA TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

LÊ HỒ SƠN

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

LÊ VĂN THUẬT

Khoa Giáo dục Chính trị, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

NGUYỄN ANH TÀI

Trung tâm hợp tác và phát triển đào tạo - Trường Đại học Nghệ An

Email: levanthuat@dhsphue.edu.vn

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh người anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Người đã để lại một di sản tư tưởng vô giá cho dân tộc, xuyên suốt đó là tư tưởng về pháp quyền và quyền con người. Đây cũng chính là vấn đề được Người quan tâm hàng đầu trong sự nghiệp hoạt động cách mạng của mình, bởi giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp cuối cùng cũng chính là giải phóng con người, cách mạng chỉ thực sự thành công khi nhân dân được hưởng những quyền con người tốt đẹp. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người có ý nghĩa to lớn, là nền tảng và đồng thời cung cấp cơ sở khoa học cho nhận thức và hành động thực tiễn của Đảng, Nhà nước ta trong việc hoạch định đường lối, chính sách thực hiện quyền con người ở Việt Nam.

Từ khóa: Hồ Chí Minh; Quyền con người; Toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Anh hùng giải phóng dân tộc, nhà văn hóa kiệt xuất của dân tộc Việt Nam. Trong toàn bộ tư tưởng của mình, Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm đặc biệt đến vấn đề con người và quyền con người. Tư tưởng về quyền con người là nội dung tư tưởng căn bản, cốt lõi, xuyên suốt hệ thống tư tưởng cũng như thực tiễn cách mạng của Người. Sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam do Người khởi xướng và lãnh đạo là giải phóng con người khỏi mọi nô dịch, áp bức, bóc lột, bất công; bảo đảm cho con người được hưởng phẩm giá làm người và đầy đủ mọi quyền con người tốt đẹp; tạo điều kiện để con người phát triển đầy đủ, toàn diện tiềm năng, thực sự trở thành chủ thể tích cực của tiến bộ lịch sử. Những nội dung cơ bản về quyền con người do Hồ Chí Minh xây dựng đã được thực tiễn cách mạng Việt Nam kiểm chứng về tính đúng đắn, tư tưởng đó đã và đang khẳng định

giá trị và sức sống mãnh liệt của nó. Trong giai đoạn hiện nay, trước những thay đổi mau lẹ của tình hình thế giới, khu vực và trong nước, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người có giá trị lý luận và thực tiễn to lớn. Đó chính là nền tảng góp phần định hướng cho việc thực thi và bảo vệ quyền con người Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

2. NỘI DUNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Thấm nhuần những giá trị truyền thống của dân tộc, tiếp thu các giá trị tinh hoa văn hóa nhân loại về quyền con người, đặc biệt là thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin về quyền con người, v.v.. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra những quan điểm sâu sắc về quyền con người thể hiện qua các nội dung cơ bản sau: *Quyền cơ bản tự nhiên, thiêng liêng vốn có của con người; Quyền về kinh tế, văn hóa và xã hội; Quyền của nhóm người dễ bị tổn thương.*

2.1. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những quyền cơ bản tự nhiên, thiêng liêng vốn có của con người

Thứ nhất, quyền được sống - đây được xem là quyền cơ bản nhất của mỗi con người trên trái đất này. Hồ Chí Minh sinh ra và lớn lên trong cảnh đất nước bị ngoại xâm, đồng bào bị nô dịch, áp bức... tất cả những điều đó làm cho mối quan tâm của Người về quyền sống - quyền cơ bản nhất, thiêng liêng nhất của con người trở nên sâu sắc. “Khát vọng sống của con người: “chúng tôi phải có quyền sống” là khát vọng mà Hồ Chí Minh luôn nung nấu và đi tìm con đường thực hiện”¹. Thấu hiểu giá trị thiêng liêng của quyền sống và khát vọng sống của con người, đặc biệt là người dân các dân tộc bị áp bức, người cùng khổ, Hồ Chí Minh khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”². Rõ ràng trong tư tưởng Hồ Chí Minh quyền sống của con người gắn chặt với quyền sống của quốc gia dân tộc và nó chỉ được đảm bảo khi con người được sống trong một đất nước có đầy đủ quyền độc lập, tự do.

Thứ hai, quyền sung sướng hay quyền được hưởng hạnh phúc là một trong những quyền cơ bản vốn có của con người. Theo Hồ Chí Minh, “Tất cả những người lao động trên thế giới đều có một mục đích chung là thoát khỏi áp bức bóc lột, được sống sung sướng tự do”³. Trên tinh thần đó, sự nghiệp cách mạng Việt Nam là “nhằm mục đích xây dựng cho con cháu chúng ta một đời sống sung sướng, vui tươi, thái bình, hạnh phúc”⁴ bởi “nếu nước độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng nghĩa lý gì”⁵. Có thể thấy, cái mục đích cuối cùng và hết sức nhân văn của sự nghiệp cách mạng chính là mang lại hạnh phúc thực sự cho người dân.

Thứ ba, quyền được tự do trong tư tưởng Hồ Chí Minh hết sức phong phú và khái quát nhất, là công dân được làm tất cả những gì mà pháp luật không cấm; được hưởng tất cả các quyền tự do hội họp, lập hội, tự do đi lại, tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng, v.v.. Gốc rễ của các quyền tự do là tự do tư tưởng, Người chỉ rõ: “Nhân dân có quyền tự do tư tưởng, tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng, v.v.. Nhân dân được hưởng những quyền lợi ấy”⁶. Tóm lại, theo

¹ Lai Thị Thanh Bình (2020), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.79

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.4, tr.1

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.8, tr.254

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.9, tr.501

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.4, tr.64

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.8, tr.264

Hồ Chí Minh thì quyền tự do là một quyền rất cơ bản, thiêng liêng và xuất phát điểm của quyền tự do thực sự của mỗi người dân Việt Nam chính là nền độc lập của dân tộc. Bởi độc lập dân tộc là điều kiện để có tự do cho nhân dân. Đến lượt mình, tự do lại là mục tiêu mà một nền độc lập hướng tới: “Chính phủ và nhân dân ta kháng chiến để tranh lại độc lập thật sự cho Tổ quốc, tự do thật sự cho đồng bào”¹.

Thứ tư, quyền dân chủ - trong tư tưởng Hồ Chí Minh thì quyền dân chủ có nghĩa người dân vừa là gốc, vừa là chủ và làm chủ sự nghiệp cách mạng. Chính vì lẽ đó, khi Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh yêu cầu cần phải thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng và xem đây là điều kiện tiên quyết để có nền dân chủ và thực hiện quyền dân chủ của dân. Điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền dân chủ đó là nó phải được thể chế hóa và được bảo đảm bằng pháp luật và nền tảng của pháp lý dân chủ chính là Hiến pháp dân chủ. Người cũng nhấn mạnh đến bản chất và vai trò của nhà nước: “Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”². Nhà nước phải thể hiện ý chí quyền lực của dân, mưu cầu hạnh phúc cho dân, phấn đấu đem lại lợi ích cho dân, thỏa mãn những nhu cầu hợp lý của các tầng lớp nhân dân trong xã hội. Những lợi ích và nhu cầu đó lại phải được thể hiện một cách công bằng chính đáng, bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa phát triển các cá nhân với mục tiêu phát triển xã hội.

Thứ năm, quyền bình đẳng, kế thừa những tư tưởng tiên bộ về quyền con người trong bản *Tuyên ngôn độc lập* của Mỹ năm 1776 và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của cách mạng Pháp năm 1791, Hồ Chí Minh khẳng định: “Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”³. Bình đẳng là một giá trị mang tính phổ quát, thuộc về tất cả mọi người, mọi người đều có quyền và nghĩa vụ thực hiện bình đẳng và phải được thể hiện trên tất cả các mặt: quan hệ dân tộc: “làm cho các dân tộc anh em ... bình đẳng về mọi mặt”⁴; quan hệ giữa các giai cấp: “Nhân dân lao động là những người chủ tập thể ... đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”⁵; quan hệ tôn giáo: “Bình đẳng giữa các tôn giáo và các dân tộc”⁶; quan hệ pháp luật: “Công dân đều bình đẳng trước pháp luật”⁷; quan hệ giới: “Về các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, đàn bà đều được bình đẳng với đàn ông”⁸; quan hệ gia đình: “Trong gia đình, vợ chồng đều bình đẳng về mọi mặt”⁹. Rõ ràng, bình đẳng là điều thiêng liêng, hoàn toàn hợp với lẽ tự nhiên và bất khả xâm phạm.

2.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quyền kinh tế, văn hóa và xã hội

Thứ nhất, quyền kinh tế, theo Hồ Chí Minh phát triển kinh tế cũng là điều kiện vật chất để công dân cải thiện cuộc sống và vị thế của người dân trong xã hội, Người nói: “Muốn xã hội

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.7, tr.233

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.6, tr.232

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.4, tr.1

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.9, tr.453

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.13, tr.66

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.2, tr.492

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.12, tr.377

⁸ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.3, tr.631

⁹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.12, tr.705

giàu thì mỗi cá nhân, mỗi gia đình cho đến cả nước phải tăng gia sản xuất”¹. Bên cạnh đó, để đảm bảo quyền con người được thực hiện trên lĩnh vực kinh tế, thì cần phải tiết kiệm để tích lũy vốn cho đầu tư phát triển, phải nắm vững và tích cực cải tiến công nghệ, phải áp dụng các hình thức tổ chức sản xuất tối ưu. Cần chú ý đến quyền sở hữu, quyền tổ chức quản lý và quyền phân phối sản phẩm, trong đó dân chủ và công bằng là bản chất của nền kinh tế trong xã hội mới. Bởi theo Hồ Chí Minh: “Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ”². Do đó, độc lập dân tộc là phương tiện để đạt được mục tiêu cuối cùng là tự do, hạnh phúc cho mọi nhà và mọi người Việt Nam. Những quan điểm đó cho thấy rõ ràng sự tôn trọng giá trị của quyền kinh tế hướng đến từng cá nhân cụ thể trong cộng đồng xã hội.

Thứ hai, quyền văn hóa, xã hội. Trong quan điểm của mình, Hồ Chí Minh cho rằng quyền văn hóa, xã hội của con người được thể hiện ở những điểm cơ bản sau:

- *Quyền được giáo dục*, theo Hồ Chí Minh giáo dục là cơ sở, nền tảng lâu bền để xây dựng và phát triển đất nước: “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người. Chúng ta phải đào tạo ra những công dân tốt và cán bộ tốt cho nước nhà”³. Theo Người, quyền được giáo dục sẽ là cơ sở để mang lại nhân cách tốt, tạo ra ý thức về nhân phẩm: “Một nền giáo dục làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”⁴. Vì vậy, thực hiện quyền được học tập, nói cách khác chính là “Học là cốt để lao động cho tốt, sản xuất cho tốt, để đưa toàn lực lượng tuổi trẻ của mình cho sự nghiệp xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội”⁵.

- *Quyền được sáng tạo và thụ hưởng các giá trị văn hóa*, Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh, nhân dân là chủ thể sáng tạo ra các giá trị văn hóa đồng thời cũng là đối tượng được thụ hưởng các giá trị văn hóa: “Quần chúng là những người sáng tạo, công nông là những người sáng tạo... Quần chúng còn là người sáng tác nữa”⁶. Để bảo vệ quyền đó đòi hỏi “giai cấp lao động cần phải làm chủ văn hóa, nếu không thì giai cấp tư sản sẽ giành quyền làm chủ”⁷ và phải vận dụng sáng tạo quyền đó để phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và giữ gìn hòa bình thế giới.

- *Quyền được sống trong môi trường xã hội văn minh, tiến bộ.* Ngay sau khi nước nhà giành được độc lập, Hồ Chí Minh đã xác định người dân có quyền được hưởng một môi trường sống mới văn minh, tiến bộ với ba nội dung cơ bản là Đạo đức mới, lối sống mới và nếp sống mới. Trong đó, Đạo đức mới chính là Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Lối sống mới là sống phải có lý tưởng, có đạo đức theo hướng văn minh, tiên tiến, kết hợp hài hòa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa của nhân loại; Nếp sống mới là quá trình làm cho lối sống mới dần dần trở thành thói quen ở mỗi người, thành phong tục tập quán của cả một cộng đồng, trong phạm vi một địa phương hay mở rộng ra cả nước và gọi là nếp sống mới hay nếp sống văn minh.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.11, tr.242

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.4, tr.175

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.11, tr.528

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.4, tr.34

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.11, tr.213

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.11, tr.559

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.11, tr.474

2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về quyền của nhóm người dễ bị tổn thương

- Thứ nhất, về quyền của phụ nữ, Hồ Chí Minh luôn đánh giá cao vai trò của phụ nữ trong đấu tranh giành độc lập và bảo vệ Tổ quốc. Người khẳng định: “Có hòa bình là bởi đã có biết bao nhiêu tấm gương đấu tranh, hy sinh anh dũng của toàn dân ta, trong đó có tầng lớp phụ nữ ta”¹. Vì vậy, chúng ta cần đảm bảo cho phụ nữ có đầy đủ các quyền như nam giới, về chính trị: “Tất cả công dân không phân biệt nam nữ đủ mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống”². Về kinh tế, cần xóa bỏ sự lệ thuộc kinh tế của người phụ nữ đối với nam giới: “Nói phụ nữ là nói phân nửa xã hội. Nếu không giải phóng phụ nữ thì không giải phóng một nửa loài người”³. Về văn hóa - xã hội, Người cho rằng: “việc học lại càng có vai trò quan trọng, bởi từ lâu chị em đã bị kìm hãm sự hiểu biết, đây là lúc chị em phải thật sự cố gắng để theo kịp nam giới”⁴. Bởi học tập là con đường giúp chị em vươn lên thụ hưởng các quyền chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Thứ hai, về quyền trẻ em - là tất cả những quyền mà trẻ em cần được đáp ứng để được sống, lớn lên trong môi trường an toàn, lành mạnh, có cơ hội phát triển để trở thành người công dân có nhiều đóng góp cho xã hội. Trẻ em có quyền sống, nhưng phải được sống trong sự yêu thương, chăm sóc của cả xã hội. Cùng với quyền được chăm sóc, bảo vệ, trẻ em có quyền được ăn no, mặc ấm, quyền sung sướng, tự do. Người nhấn mạnh rằng, giáo dục là một quyền cơ bản của trẻ em, do vậy: “Óc những người trẻ tuổi trong sạch như một tấm lụa trắng. Nhuộm xanh thì màu nó sẽ xanh. Nhuộm đỏ thì màu nó sẽ đỏ”⁵. Trẻ em là tương lai của nước nhà, vì lẽ đó, trẻ em nhất định phải được học tập, được thụ hưởng nền giáo dục tiến bộ của một quốc gia độc lập.

- Thứ ba, về quyền người cao tuổi, Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm, kính trọng đánh giá cao vai trò, vị trí của người cao tuổi đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người cho rằng: “Tiếp tục truyền thống Diên Hồng vĩ đại, các cụ phụ lão cũng không vì tuổi cao tóc bạc mà hưởng thú thanh nhàn. Các cụ đều cố gắng góp phần tích cực vào công cuộc chống Mỹ, cứu nước”⁶. Theo Hồ Chí Minh, người cao tuổi không chỉ là những người có kinh nghiệm, uy tín, là người lao động cần cù, sáng tạo trong xây dựng gia đình, quê hương, đất nước, mà còn là những người dám hy sinh cho độc lập tự do, gìn giữ bảo tồn các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc.

- Thứ tư, về quyền của các dân tộc thiểu số, từ thực tiễn là quốc gia gồm nhiều dân tộc cùng sinh sống, cùng chung vận mệnh lịch sử, Hồ Chí Minh khẳng định: “Nước ta là một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc. Các dân tộc sống trên đất nước Việt Nam đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ”⁷. Người cho rằng bình đẳng dân tộc là cơ sở để thực hiện đại đoàn kết toàn dân vì mục tiêu chung giành tự do cho dân tộc và mang lại ấm no cho đồng bào. Người nhấn mạnh: “Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.12, tr.510

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.4, tr.7

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.12, tr.300

⁴ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.1, tr.41

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.5, tr.120.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.14, tr.635.

⁷ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.12, tr.371.

Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau”¹.

- Thứ năm, về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, Việt Nam là một quốc gia đa tôn giáo, trong đó Phật giáo và Thiên Chúa giáo là hai tôn giáo phổ biến và có lượng tín đồ đông đảo nhất. Hồ Chí Minh đã sáng tạo trong việc áp dụng quyền tự do tôn giáo và tín ngưỡng phù hợp với điều kiện cụ thể tại Việt Nam. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về quyền tự do tôn giáo và tín ngưỡng bao gồm các nội dung sau: *Một là*, đoàn kết lương - giáo, đây là bộ phận của đại đoàn kết toàn dân tạo nên sức mạnh quyết định trong cách mạng giải phóng dân tộc. *Hai là*, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo trong chế độ mới.

3. MỘT SỐ GIÁ TRỊ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI SOI SÁNG SỰ NGHIỆP ĐẤU TRANH, BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Hiện nay, bên cạnh những thuận lợi và thời cơ thì đất nước cũng đang đứng trước những khó khăn và thách thức như các thế lực thù địch vẫn không từ bỏ tham vọng chống phá các nước xã hội chủ nghĩa, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, lợi dụng chiêu bài dân chủ, nhân quyền để xâm phạm đến quyền tự quyết của dân tộc ta, quyền con người của nhân dân ta. Trước tình hình đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người chính là nền tảng và cung cấp cơ sở khoa học để Đảng, Nhà nước hoạch định đường lối, chính sách thực hiện đảm bảo quyền con người ở nước ta hiện nay.

3.1. Cung cấp những luận cứ để Đảng và Nhà nước xây dựng đường lối, chính sách thực hiện quyền con người cơ bản ở Việt Nam

- *Quyền sống, quyền được tôn trọng về nhân phẩm và bất khả xâm phạm về thân thể*, đây là những quyền cơ bản. Mặc dù trong Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980 và 1992, quyền sống của con người mới được phản ánh thông qua các quyền bảo vệ thân thể, tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân. Đến Hiến pháp năm 2013, kế thừa giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người và những bản Hiến pháp trước đó, Nhà nước ta đã bổ sung và luận giải rõ ràng về quyền sống của con người. Điều 19 của Hiến pháp quy định: “Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật”. Ngoài ra, quyền sống, quyền được tôn trọng về nhân phẩm và quyền bất khả xâm phạm về thân thể còn được quy định tại Điều 20 Hiến pháp 2013, cũng như được cụ thể hóa trong Điều 33 và Điều 34 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Chương XIV từ Điều 123 đến Điều 156, Điều 157 của các văn bản pháp luật liên quan. Pháp luật Việt Nam đã tương thích với luật nhân quyền quốc tế, ví dụ như Bộ luật Hình sự 2015 đã cụ thể hóa các quy định bảo vệ quyền sống của công dân.

- *Quyền bình đẳng của người dân trước pháp luật*, trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền bình đẳng của con người, Điều 16 Hiến pháp năm 2013 quy định “Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội”. Khoản 1, Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản”. Điểm b Khoản 1 Điều 3 Bộ

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđđ, t.4, tr.249.

luật Hình sự năm 2015 quy định: “Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội”.

3.2. Cung cấp những luận cứ để Đảng và Nhà nước xây dựng đường lối, chính sách thực hiện quyền con người trên lĩnh vực chính trị

- *Quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí*, đây là bộ phận hữu cơ, gắn liền công tác chính trị, tư tưởng của Đảng, phục vụ mục tiêu, lý tưởng cách mạng của dân tộc. Báo chí là diễn đàn rộng rãi, dân chủ, phục vụ lợi ích của dân tộc, của cách mạng, của Nhân dân. Hồ Chí Minh nhấn mạnh mục đích của tờ báo là “cốt làm cho dân ta biết, biết các việc, biết đoàn kết, đặng đánh Tây, đánh Nhật làm cho Việt Nam độc lập, bình đẳng tự do”¹. Và Người khẳng định công dân: “Có quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội, biểu tình, Có quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào”². Hiện nay, Hiến pháp 2013 đã ghi nhận quyền tự do ngôn luận và tự do báo chí là một trong những quyền cơ bản của công dân. Điều 25 Hiến pháp nêu rõ: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội và biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”³. Điều 25 Luật Báo chí năm 2016, cũng đã cụ thể hóa quyền tự do báo chí và quyền tự do ngôn luận, khẳng định nhà báo có quyền tác nghiệp trong khuôn khổ pháp luật và được bảo vệ trong quá trình tác nghiệp. Báo chí phát triển không ngừng, trở thành công cụ giáo dục, tuyên truyền và thực thi chính sách, pháp luật, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

- *Quyền lập hội, quyền tham gia hội chính trị - xã hội, nghề nghiệp*, có thể hiểu “hội” là dùng để chỉ “tổ chức quần chúng rộng rãi của những người cùng chung một nghề nghiệp hoặc có chung một hoạt động”⁴. Điều 10, Hiến pháp 1946 nêu rõ, công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài. Điều 69, Hiến pháp 1992: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật”. Điều 25 Hiến pháp năm 2013: “Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”. Có thể khẳng định rằng, quyền tự do hội họp, tự do lập hội của công dân luôn được Hiến pháp của Việt Nam ghi nhận và được bảo đảm qua các thời kỳ.

- *Quyền tiếp cận, phản biện chính sách*, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 2011 đã xác định rõ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Các đoàn thể nhân dân tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã được xác định, vận động, giáo dục đoàn viên, hội viên chấp hành luật pháp, chính sách; chăm lo, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên; giúp đoàn viên, hội viên nâng cao trình độ về mọi mặt và xây dựng cuộc sống mới; tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Nhiều

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđđ*, t.8, tr.207.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđđ*, t.9, tr.377.

³ Quốc hội (2021), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.10

⁴ Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2022), *Các văn kiện của Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về quyền con người, tuyển chọn và trích dẫn*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.592.

kiến nghị sau giám sát phản biện ở một số địa phương có chất lượng tốt, được các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tiếp thu, phản hồi, nhất là các kiến nghị sau giám sát, đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, tổ chức, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, hạn chế vi phạm pháp luật.

Quyền tham gia bầu cử và ứng cử, Hồ Chí Minh yêu cầu: “làm sao cho nhân dân biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm”¹. Trong thời kỳ đổi mới, quyền tham gia bầu cử và ứng cử của công dân Việt Nam đã được ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật liên quan. Điều 6 của Hiến pháp năm 1992 ghi nhận: “Nhân dân sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân là những cơ quan đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân”². Điều 27 của Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và công dân đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp”³. Cùng với đó, Nhà nước đã ban hành các luật nhằm đảm bảo quyền tham gia bầu cử và ứng cử của nhân dân như: Luật Trưng cầu ý dân năm 2015; Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015.

3.3. Cung cấp những luận cứ để Đảng và Nhà nước xây dựng đường lối, chính sách thực hiện quyền con người trên lĩnh vực kinh tế

- *Quyền lao động và việc làm*, Hồ Chí Minh khẳng định: “Lao động là sự nghiệp quang vinh, vẻ vang, vui thú và anh dũng”⁴ và “lao động là một nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người công dân đối với Tổ quốc. Ai cũng phải tùy khả năng mình mà tự nguyện tự giác tham gia lao động, góp phần xây dựng nước nhà”⁵. Hiện nay, quyền lao động và việc làm ở Việt Nam đã được ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật liên quan. Điều 55, Hiến pháp 1992 quy định: “Lao động là quyền và nghĩa vụ của công dân. Nhà nước và xã hội có kế hoạch tạo ngày càng nhiều việc làm cho người lao động”⁶. Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến việc: “Bảo đảm công ăn, việc làm cho dân là mục tiêu xã hội hàng đầu, không để thất nghiệp trở thành căn bệnh kinh niên”⁷. Điều 35 Hiến pháp 2013 quy định: “Công dân có quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc. Người làm công ăn lương được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn; được hưởng lương, chế độ nghỉ ngơi”⁸. Cùng với đó, Nhà nước đã ban hành Bộ luật Lao động 1994, sửa đổi, bổ sung năm 2002, 2006, 2007, được thay thế vào năm 2012; Bộ luật Lao động 2019 nhằm ghi nhận quyền tự do lao động và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động đặc biệt là nhóm người yếu thế, dễ bị tổn thương.

- *Quyền sở hữu tài sản và kinh doanh*, kế thừa tư tưởng của Hồ Chí Minh, từ năm

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Sđđ*, t.15, tr.293

² Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.118.

³ Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, Sđđ, tr.118

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Sđđ*, t.7, tr.418

⁵ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Sđđ*, t.10, tr.454

⁶ Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, Sđđ, tr.132.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.99

⁸ Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, Sđđ, tr.190.

1986 đến nay, quyền sở hữu tài sản và quyền kinh doanh của công dân Việt Nam đã được ghi nhận trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật liên quan. Điều 15 Hiến pháp 1992 quy định: “Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa... dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng”¹. Hiện nay, Điều 32, Hiến pháp 2013 quy định: “Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, vốn và tài sản khác trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác”². Hiến pháp đã cụ thể hoá việc bảo đảm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân và quyền tự do kinh doanh, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần kinh tế, nghề nghiệp, thời gian cư trú. Cùng với đó, Nhà nước đã ban hành Luật Đất đai năm 2013; Luật Doanh nghiệp năm 2020 nhằm bảo đảm quyền tự do kinh doanh của công dân.

3.4. Cung cấp những luận cứ để Đảng và Nhà nước xây dựng đường lối, chính sách thực hiện quyền con người trên lĩnh vực văn hóa- xã hội

- *Quyền được giáo dục*, Hồ Chí Minh khẳng định: “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”³. Trên cơ sở đó, hiện nay quyền được giáo dục của công dân Việt Nam đã được ghi nhận, cụ thể hoá trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật liên quan. Điều 39 của Hiến pháp 2013 quy định: “Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để công dân được học tập liên tục và học suốt đời”. Hiến pháp bảo đảm quyền được giáo dục của mọi công dân, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần kinh tế, nghề nghiệp, thời gian cư trú. Luật Giáo dục năm 2019: Quy định chi tiết về hệ thống giáo dục quốc dân, quyền và nghĩa vụ của người học và người dạy, chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên và các quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục.

- *Quyền được chăm sóc sức khỏe*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Giữ gìn dân chủ, xây dựng nước nhà, gây đời sống mới, việc gì cũng cần có sức khỏe mới làm thành công”⁴. Hiện nay, Điều 38 Hiến pháp 2013 quy định: “Công dân có quyền được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, Nhà nước bảo đảm chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân”⁵. Như vậy, Hiến pháp bảo đảm quyền được chăm sóc sức khỏe của mọi công dân, không phân biệt giới tính, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần kinh tế, nghề nghiệp, thời gian cư trú. Cùng với đó, Nhà nước đã ban hành Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2009; Luật Bảo hiểm y tế năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014 nhằm bảo đảm quyền được khám chữa bệnh cho người dân.

- *Quyền văn hóa và tiếp cận thông tin*, Hồ Chí Minh khẳng định: “Lấy văn hóa soi đường cho quốc dân đi”⁶, theo Người văn hóa không chỉ là tri thức mà còn là đạo đức, lối sống và phải phục vụ cho sự phát triển toàn diện của con người và đất nước. Trên cơ sở đó, hiện nay tại Việt Nam, quyền văn hóa và quyền tiếp cận thông tin của công dân đã được Điều 41 của Hiến pháp 2013 quy định: “Công dân có quyền được tham gia và hưởng thụ

¹ Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, Sđđ, tr.120.

² Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, Sđđ, tr.190.

³ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđđ, t.4, tr.7

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđđ, t.4., tr.241.

⁵ Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, Sđđ, tr.191.

⁶ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Sđđ, t.1, tr.25.

các giá trị văn hóa, được tiếp cận thông tin, tham gia vào các hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, được hưởng sự bảo vệ và chăm sóc của Nhà nước trong các lĩnh vực văn hóa”. Cùng với đó, Nhà nước đã ban hành các quy định pháp luật liên quan như: Luật Di sản văn hóa năm 2001, sửa đổi bổ sung năm 2009; Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 nhằm đảm bảo quyền văn hóa và tiếp cận thông tin của người dân.

3.5. Cung cấp những luận cứ để Đảng và Nhà nước xây dựng đường lối, chính sách thực hiện quyền con người của các nhóm người dễ tổn thương

- *Quyền của phụ nữ và trẻ em*, Hồ Chí Minh cho rằng một trong những điểm khác biệt giữa xã hội cũ và xã hội mới chính là vai trò địa vị của người phụ nữ, xã hội càng tiến bộ thì vai trò của người phụ nữ càng được đề cao. Về trẻ em, Người cho rằng: “Trẻ em như búp trên cành, biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan”¹. Hiện nay tại Việt Nam, quyền của phụ nữ và trẻ em đã được ghi nhận và bảo vệ trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật liên quan. Điều 26 Hiến pháp 2013 quy định: “Công dân nam, nữ có quyền ngang nhau về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền bình đẳng giới”². Điều 37 Hiến pháp nêu rõ: “Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề của trẻ em”³. Cùng với đó, Nhà nước đã ban hành các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến quyền của phụ nữ và trẻ em như: Luật Bình đẳng giới năm 2006; Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2016 nhằm đảm bảo quyền của phụ nữ và trẻ em.

- *Quyền của người khuyết tật*, Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh rằng mọi người dân, không phân biệt điều kiện sức khỏe, đều có quyền bình đẳng và được bảo vệ, chăm sóc: “Người tàn tật, kẻ lão niên, Đều do Chính phủ cấp tiền ăn cho”⁴. Hiện nay, Đảng và Nhà nước ta đã cụ thể hoá quyền của người khuyết tật đã được ghi nhận và bảo vệ trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật liên quan. Điều 59 Hiến pháp 2013 quy định: “Nhà nước, xã hội, gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, thực hiện chính sách ưu đãi xã hội đối với người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo”⁵. Cùng với đó, Nhà nước đã ban hành các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến quyền của người khuyết tật như: Luật Người khuyết tật năm 2010; Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 nhằm đảm bảo những quyền lợi của người khuyết tật.

- *Quyền của người dân tộc thiểu số*, Hồ Chí Minh cho rằng ở Việt Nam các dân tộc đều bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng tiến bộ. Hiện nay, quyền của người dân tộc thiểu số đã được ghi nhận và bảo vệ trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật liên quan. Điều 5 Hiến pháp 2013 quy định: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển”⁶. Cùng với đó, Nhà nước đã ban hành nhiều luật và văn bản luật liên quan như: Luật Bình đẳng giới năm 2006; Nghị quyết 24-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Bộ Chính trị về Công tác dân tộc. Chương trình 134 (2004):

¹ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Sđđ*, t.3, tr.240

² Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, Sđđ, tr.188.

³ Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, Sđđ, tr.191.

⁴ Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập, Sđđ*, t.3, tr.243.

⁵ Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, Sđđ, tr.196.

⁶ Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, Sđđ, tr.181.

Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn. Gần đây nhất Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Và Chính phủ đã cụ thể hoá bằng Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 theo Quyết định 1719/QĐ-TTg năm 2021.

4. KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người được thể hiện trong tư tưởng, hoạt động cách mạng của Người, vì lý tưởng giải phóng dân tộc, giai cấp, con người. Tư tưởng đó cũng chính là lý tưởng cao đẹp của dân tộc Việt Nam và cộng đồng nhân loại. Những quan điểm của Người về quyền con người thể hiện giá trị nhân văn sâu sắc, giá trị pháp lý chặt chẽ, sáng tạo đối với Nhân dân các thuộc địa và nhân dân lao động trên toàn thế giới. Với những đặc điểm nổi bật như thế, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người có giá trị và sức sống lâu dài. Hiện nay, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người đã góp phần bổ sung, phát triển tư tưởng, văn hóa nhân loại về quyền con người; là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động để Đảng, Nhà nước Việt Nam hoạch định đường lối, chính sách, pháp luật nhằm bảo vệ và thực hiện quyền con người ở Việt Nam, góp phần to lớn làm nên những thành tựu về thực hiện quyền con người ở Việt Nam, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người thực sự là một tài sản vô giá mà Người đã để lại cho Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam, là động lực thúc đẩy xã hội Việt Nam tiến bước mạnh mẽ trên con đường hướng tới mục tiêu giải phóng con người một cách triệt để.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Nhân dân (2014), *Hiến pháp năm 2013 - Sự kết tinh ý chí, trí tuệ toàn dân tộc*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Lại Thị Thanh Bình (2020), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người*, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 1)*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật. Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (Tập 2)*, NXB. Chính trị. Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2022), *Các văn kiện của Đảng, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về quyền con người, tuyển chọn và trích dẫn*, NXB. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.592.
7. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 1, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 2, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
9. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 3, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
10. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 4, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
11. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 5, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội

12. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 6, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
13. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 7, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
14. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 8, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
15. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 9, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
16. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 10, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
17. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 11, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
18. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 12, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
19. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 13, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
20. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 14, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
21. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Tập 15, NXB. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội
22. Quốc hội (2021), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, NXB. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
23. Nguyễn Duy Quý (2025), *Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người ở Việt Nam*. Đề tài NCS chính trị học, Trường Đại học KH-XH nhân văn, Hà Nội.

KỶ YẾU
HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC GIA
PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH BẢO VỆ
QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CÁ NHÂN, CÔNG DÂN:
50 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

TẬP 2
LĨNH VỰC KHOA HỌC CHÍNH TRỊ

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN VÀ NỘI DUNG
Giám đốc - Tổng Biên tập
Đại tá **TRẦN CAO KIỀU**

Biên tập
TRỊNH THỊ THÙY DUNG
Thiết kế mỹ thuật
NGUYỄN HUY HOÀNG

Trình bày
LÊ HỮU

Sửa bản in
AN DƯƠNG

In 59 cuốn khổ 21 x 29.7 cm tại Xí nghiệp in Nguyễn Minh Hoàng
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 1215-2026/CXBIPH/2-24/CAND
Quyết định xuất bản số 145/QĐ-NXBCAND, ngày 20/4/2026
Mã ISBN: 978-604-72-8823-6
In xong và nộp lưu chiểu năm 2026